

CÔNG TY
CỔ PHẦN
SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

GIA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(đã được kiểm toán)

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA
DN: C=VN, L=ĐỒNG NAI, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3501459505, E=ROYALTHUE@YAHOO.COM.VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025.03.31
16:15:25
+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
2024.4.0

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-49
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-49

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3501459505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 02 tháng 07 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Việt Anh	Chủ tịch
Ông Phạm Hữu Phú	Thành viên
Ông Trịnh Xuân Hùng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Văn Việt	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc ngày 02/07/2024
		Miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc ngày 02/07/2024
Ông Trịnh Xuân Hùng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02/07/2024
Ông Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Anh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/07/2024
Ông Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02/07/2024
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ủy ban Kiểm toán bao gồm:

Ông Phạm Hữu Phú	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
Ông Đinh Việt Anh	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Đinh Việt Anh – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trương Văn Việt
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Số: 270325.033/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được lập ngày 27 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 49, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc Kiểm toán
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1369-2023-002-1

Đặng Huy Hoàng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4461-2023-002-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.526.027.552.999	1.125.007.425.186
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	42.242.862.847	17.925.609.914
111	1. Tiền		42.242.862.847	17.925.609.914
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	158.435.580.071	22.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		158.435.580.071	22.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		598.536.744.324	674.861.964.961
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	479.337.975.915	498.822.066.903
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	80.307.254.618	129.256.146.405
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	38.891.513.791	46.783.751.653
140	IV. Hàng tồn kho	8	683.944.075.529	389.075.060.479
141	1. Hàng tồn kho		683.944.075.529	389.075.060.479
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		42.868.290.228	20.644.789.832
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	6.582.012.374	5.605.632.347
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		36.286.277.854	15.039.157.485
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		945.184.229.393	556.632.994.621
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		6.246.856.657	2.611.386.300
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	6.246.856.657	2.611.386.300
220	II. Tài sản cố định		293.145.285.013	331.159.409.367
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	174.016.757.053	232.046.840.562
222	- Nguyên giá		577.478.370.323	623.597.971.567
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(403.461.613.270)	(391.551.131.005)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	56.336.070.407	34.315.050.213
225	- Nguyên giá		67.409.423.358	52.411.322.590
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.073.352.951)	(18.096.272.377)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	62.792.457.553	64.797.518.592
228	- Nguyên giá		68.204.471.219	68.204.471.219
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.412.013.666)	(3.406.952.627)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	460.417.449.070	38.931.017.089
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		460.417.449.070	38.931.017.089
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	131.032.218.869	114.999.404.677
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		128.032.218.869	111.499.404.677
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.000.000.000	3.500.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		54.342.419.784	68.931.777.188
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	47.036.738.493	61.071.362.374
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.a	370.021.161	-
269	3. Lợi thế thương mại	14	6.935.660.130	7.860.414.814
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.471.211.782.392	1.681.640.419.807

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤTTại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.723.493.618.126	951.756.693.817
310	I. Nợ ngắn hạn		1.338.284.164.221	913.629.200.758
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	278.615.664.605	206.915.812.157
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	68.040.488.517	65.450.116.839
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	21.122.532.154	21.981.942.951
314	4. Phải trả người lao động		16.602.439.323	13.764.330.068
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	14.450.223.537	11.650.121.353
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	61.230.124.075	12.588.153.990
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	864.219.493.965	580.657.983.239
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		14.003.198.045	620.740.161
330	II. Nợ dài hạn		385.209.453.905	38.127.493.059
331	1. Phải trả người bán dài hạn	15	48.552.878.934	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	150.000.000	1.000.000.000
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	323.254.050.154	23.452.484.170
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.b	13.252.524.817	13.675.008.889
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		747.718.164.266	729.883.725.990
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	747.718.164.266	729.883.725.990
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		450.000.000.000	450.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		450.000.000.000	450.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		40.010.480.000	40.010.480.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		57.353.390.932	-
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		163.414.518.842	218.347.257.811
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		95.911.408.995	116.892.000.034
421b	LNST chưa phân phối năm nay		67.503.109.847	101.455.257.777
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		36.939.774.492	21.525.988.179
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.471.211.782.392	1.681.640.419.807


Vũ Thị Ngọc
Người lập

Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởngTrương Văn Việt
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	1.692.068.298.858	1.395.602.106.583
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	231	41.495.344
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.692.068.298.627	1.395.560.611.239
11	4. Giá vốn hàng bán	25	1.425.928.927.552	1.104.145.849.664
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		266.139.371.075	291.414.761.575
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	8.758.836.895	7.189.359.078
22	7. Chi phí tài chính	27	61.991.179.349	52.052.133.055
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>56.620.018.291</i>	<i>46.381.960.935</i>
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		16.532.814.192	21.499.404.677
25	9. Chi phí bán hàng	28	76.190.154.054	79.680.292.168
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	65.898.742.680	64.130.816.701
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		87.350.946.079	124.240.283.406
31	12. Thu nhập khác	30	1.364.473.885	59.868.072
32	13. Chi phí khác	31	4.895.962.549	1.006.307.303
40	14. Lợi nhuận khác		(3.531.488.664)	(946.439.231)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		83.819.457.415	123.293.844.175
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	17.079.838.488	21.440.145.819
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33.c	(792.505.233)	(422.484.072)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		67.532.124.160	102.276.182.428
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		67.503.109.847	101.455.257.777
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		29.014.313	820.924.651
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	1.500	2.680

Vu Thị Ngọc
Người lậpNguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởngTrương Văn Việt
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		83.819.457.415	123.293.844.175
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		37.722.458.641	38.317.417.089
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.350.071.344	641.056.935
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(20.706.834.883)	(23.604.260.236)
06	- Chi phí lãi vay		56.620.018.291	46.381.960.935
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		159.805.170.808	185.030.018.898
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		63.991.230.811	(276.656.521.489)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(294.869.015.050)	(87.196.918.776)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		71.738.331.841	80.935.897.319
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		13.058.243.854	21.482.474.435
14	- Tiền lãi vay đã trả		(56.412.344.043)	(46.086.693.555)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(22.991.558.787)	(13.544.170.553)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.700.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(72.379.940.566)	(136.035.913.721)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(352.503.219.159)	(90.642.305.459)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		52.888.883.480	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(158.435.580.071)	(116.512.271.739)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		23.000.000.000	94.012.271.739
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(90.000.000.000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.636.407.533	1.864.446.653
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(433.413.508.217)	(201.277.858.806)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		15.384.772.000	138.651.988.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		1.504.281.056.006	924.152.876.265
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(934.548.167.854)	(753.682.401.731)
35	4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(10.298.390.862)	(24.226.998.969)
36	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(44.794.500.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		530.024.769.290	284.895.463.565

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		24.231.320.507	(52.418.308.962)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		17.925.609.914	70.332.377.560
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		85.932.426	11.541.316
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>42.242.862.847</u>	<u>17.925.609.914</u>



Vũ Thị Ngọc
Người lập



Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởng



Trương Văn Việt
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3501459505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 02 tháng 07 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 450.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 450.000.000.000 VND; tương đương 45.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 689 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 624 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất gạch ceramic, granite, porcelain và vật liệu xây dựng từ đất sét.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất máy móc thông dụng khác. Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: sản xuất gạch ceramic, granite;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ (đồ gỗ nội thất, mỹ nghệ...);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2024, mặc dù là năm khó khăn về kinh tế tuy nhiên doanh thu năm 2024 của Công ty tiếp tục tăng trưởng 21,24% so với năm 2023 từ 1.395,6 tỷ VND lên 1.692 tỷ VND. Tuy nhiên giá vốn đã tăng 28,62% so với kết quả kinh doanh năm 2023 từ mức 1.104,14 tỷ VND lên mức 1.420,2 tỷ VND, mức tăng giá vốn cao hơn mức tăng doanh thu dẫn đến lợi nhuận gộp của Công ty đã giảm 6,69%. Theo đó trong năm 2024, thị trường ngành vật liệu xây dựng có tình trạng đóng băng, nhu cầu giảm, để tiếp tục duy trì mức tăng doanh thu Công ty đã thực hiện nới rộng các chính sách bán hàng, giảm giá bán và tối ưu hóa các hoạt động thương mại nên quy mô doanh thu của Công ty tiếp tục tăng nhưng lợi nhuận gộp lại giảm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2024 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone (đổi tên từ Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang)	KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng	88,17%	88,17%	Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh BĐS cho thuê.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Thông tin tài chính về những khoản vốn góp liên doanh” và “Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.10 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước về sử dụng thương hiệu được ghi nhận theo giá trị thương hiệu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn quy định trong hợp đồng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi) phát sinh khi Công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trừ đi giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán.

- b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

- c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

2.27 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.972.514.779	8.055.975.918
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	38.270.348.068	9.869.633.996
	<u><u>42.242.862.847</u></u>	<u><u>17.925.609.914</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn	158.435.580.071	-	22.500.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	158.435.580.071	-	22.500.000.000	-
Đầu tư dài hạn	3.000.000.000	-	3.500.000.000	-
- Trái phiếu (2)	3.000.000.000	-	3.500.000.000	-
	161.435.580.071	-	26.000.000.000	-

(1) Tại ngày 31/12/2024, các đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 đến 12 tháng có giá trị 158.435.580.071 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại có phần với lãi suất từ 2,9%/năm đến 6,3%/năm.

(2) Tại ngày 31/12/2024, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là trái phiếu do Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành có kỳ hạn 8 năm có giá trị 3.000.000.000 VND với lãi suất thả nổi.

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết

	31/12/2024				01/01/2024			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên kết				VND				VND
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	Đồng Nai	45%	45%	128.032.218.869	Đồng Nai	45%	45%	111.499.404.677
				128.032.218.869				111.499.404.677
				128.032.218.869				111.499.404.677

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 39.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>85.180.303.939</i>	<i>-</i>	<i>122.264.955.575</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Vinagres	25.602.313.404	-	62.383.081.413	-
Royal American Wholesale	2.338.141.668	-	4.023.230.078	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	6.705.149.684	-	11.237.603.413	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	-	-	452.710.954	-
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	36.639.606.433	-	31.837.776.254	-
Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia Xanh	-	-	12.330.553.463	-
Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia Miền Tây	13.895.092.750	-	-	-
<i>Bên khác</i>	<i>394.157.671.976</i>	<i>-</i>	<i>376.557.111.328</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Top Tile	103.262.042.555	-	71.228.642.789	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quân	43.016.085.398	-	53.429.540.289	-
Re Flooring Distributor	23.341.581.518	-	25.791.429.775	-
Care About Trading Co., Ltd	33.042.985.523	-	27.684.519.767	-
Công ty TNHH Mylux Việt Nam	33.346.694.862	-	22.537.589.545	-
New Pacific Marble & Title	25.229.178.850	-	23.985.205.477	-
Công Ty Cổ Phần Farrah Life	898.257.103	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	132.020.846.167	-	151.900.183.686	-
	<u>479.337.975.915</u>	<u>-</u>	<u>498.822.066.903</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	10.510.000.000	-	57.213.530.938	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh (*)	-	-	36.947.386.029	-
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	-	-	20.266.144.909	-
Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Đầu tư Royal House	10.510.000.000	-	-	-
<i>Bên khác</i>	69.797.254.618	-	72.042.615.467	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Dịch vụ Hoàng Quân	6.895.833.094	-	8.282.180.860	-
Công Ty TNHH MTV Trang Minh Anh	4.941.943.291	-	8.356.790.228	-
SACMI IMONA S.C	-	-	36.679.496.400	-
Công ty TNHH MTV Võ Trường Phát	5.336.517.072	-	-	-
Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Tùng Thịnh Phát	6.875.194.154	-	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh (*)	32.225.032.044	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	13.522.734.963	-	18.724.147.979	-
	80.307.254.618	-	129.256.146.405	-

(*) Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh không còn là bên liên quan từ năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**7 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.546.756.204	-	240.408.906	-
Tạm ứng	-	-	87.768.000	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	420.000.000	-
Khoản giao xây dựng và mua lại tài sản (1)(2)	36.000.000.000	-	44.300.000.000	-
Phải thu liên quan hoạt động thuế tài chính	1.241.563.393	-	1.714.971.945	-
Phải thu khác	103.194.194	-	20.602.802	-
	38.891.513.791	-	46.783.751.653	-
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Ông Huỳnh Sơn Tùng (1)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Bích Trâm (2)	6.000.000.000	-	14.300.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín	1.136.361.599	-	1.714.971.945	-
Các ngân hàng thương mại	1.546.756.204	-	-	-
Các đối tượng khác	208.395.988	-	768.779.708	-
	38.891.513.791	-	46.783.751.653	-
b) Dài hạn				
b.1) Chi tiết theo nội dung				
Ký cược, ký quỹ	6.246.856.657	-	2.611.386.300	-
	6.246.856.657	-	2.611.386.300	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	299.661.785	-	56.332.198	-
Nguyên liệu, vật liệu	102.085.045.670	-	41.815.541.535	-
Công cụ, dụng cụ	19.730.431.198	-	19.816.892.952	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.198.954.088	-	4.801.829.738	-
Thành phẩm	246.173.229.649	-	243.000.444.063	-
Hàng hoá	303.231.966.572	-	78.740.533.911	-
Hàng gửi đi bán	4.224.786.567	-	843.486.082	-
	683.944.075.529	-	389.075.060.479	-

9 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	460.417.449.070	38.931.017.089
- Chi phí sửa chữa tòa nhà văn phòng RYG	925.925.926	-
- Thi công hệ thống bù gạch đầu lò nung	-	2.212.472.082
- Hệ thống báo cháy	-	101.862.000
- Dự án Nhà máy sản xuất tấm Porcelain khổ lớn 4.0 (*)	458.261.523.144	36.616.683.007
- Thi công mái che, móng và sàn cho 2 cối nghiền xương 60 tấn	1.230.000.000	-
	460.417.449.070	38.931.017.089

(*) Thông tin về dự án:

- Địa điểm xây dựng: Đường Số 8, KCN Nhơn Trạch II, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai;
- Mục đích xây dựng: Sản xuất gạch Porcelain tấm lớn, cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu Tư Royal Sintered Stone (đổi tên từ Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang);
- Quy mô của dự án: diện tích khoảng 32.000 m²;
- Tổng mức đầu tư: 764.664.000.000 VND;
- Thời gian dự kiến hoàn thành: Dự kiến hoàn thành trong năm 2025;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2024: đang trong quá trình lắp đặt dây chuyền trang thiết bị.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

10 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu năm	136.887.764.166	462.320.179.695	18.047.277.191	3.198.480.480	3.144.270.035	623.597.971.567						
- Mua trong năm	-	41.722.000	-	745.671.742	-	787.393.742						
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	12.089.463.772	490.203.651	-	-	-	12.579.667.423						
- Tặng do tài sản thuế tài chính chuyển thành	-	22.076.035.290	-	-	-	22.076.035.290						
- Thanh lý, nhượng bán	-	(35.242.918.651)	(1.701.370.000)	-	-	(36.944.288.651)						
- Bán TSCĐ để thuê lại tài chính	-	(44.618.409.048)	-	-	-	(44.618.409.048)						
Số dư cuối năm	148.977.227.938	405.066.812.937	16.345.907.191	3.944.152.222	3.144.270.035	577.478.370.323						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu năm	83.291.478.945	295.305.699.108	9.976.984.951	2.484.132.004	492.835.997	391.551.131.005						
- Khấu hao trong năm	4.676.120.570	20.320.010.678	1.946.613.518	264.186.387	314.427.003	27.521.358.156						
- Tặng do tài sản thuế tài chính chuyển thành	-	14.294.204.188	-	-	-	14.294.204.188						
- Thanh lý, nhượng bán	-	(7.929.656.694)	(1.575.342.592)	-	-	(9.504.999.286)						
- Bán TSCĐ để thuê lại tài chính	-	(20.400.080.793)	-	-	-	(20.400.080.793)						
Số dư cuối năm	87.967.599.515	301.590.176.487	10.348.255.877	2.748.318.391	807.263.000	403.461.613.270						
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu năm	53.596.285.221	167.014.480.587	8.070.292.240	714.348.476	2.651.434.038	232.046.840.562						
Tại ngày cuối năm	61.009.628.423	103.476.636.450	5.997.651.314	1.195.833.831	2.337.007.035	174.016.757.053						

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 140.529.468.320 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 269.314.708.865 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị	Vận tải, truyền đẫn	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	51.744.438.045	666.884.545	52.411.322.590
- Thuê tài chính	2.212.472.082	10.440.587.909	12.653.059.991
- Thuê lại tài chính	24.421.076.067	-	24.421.076.067
- Chuyển tài sản thuê tài chính thành TSCĐ	(22.076.035.290)	-	(22.076.035.290)
Số dư cuối năm	56.301.950.904	11.107.472.454	67.409.423.358
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	17.999.018.381	97.253.996	18.096.272.377
- Trích khấu hao	7.100.919.294	170.365.468	7.271.284.762
- Chuyển tài sản thuê tài chính thành TSCĐ	(14.294.204.188)	-	(14.294.204.188)
Số dư cuối năm	10.805.733.487	267.619.464	11.073.352.951
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	33.745.419.664	569.630.549	34.315.050.213
Tại ngày cuối năm	45.496.217.417	10.839.852.990	56.336.070.407

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm quản lý	Lợi thế quyền thuê (*)	Cộng
			VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	565.248.000	67.639.223.219	68.204.471.219
Số dư cuối năm	565.248.000	67.639.223.219	68.204.471.219
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	480.255.467	2.926.697.160	3.406.952.627
- Khấu hao trong năm	53.929.600	1.951.131.439	2.005.061.039
Số dư cuối năm	534.185.067	4.877.828.599	5.412.013.666
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	84.992.533	64.712.526.059	64.797.518.592
Tại ngày cuối năm	31.062.933	62.761.394.620	62.792.457.553

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 295.600.000 VND.

(*) Giá trị lợi thế quyền thuê đất khu công nghiệp trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 292958 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25/12/2017 - thời hạn 35 năm 02 tháng theo chứng thư thẩm định giá Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang số 22/05/02/DN ngày 31/05/2022 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Tư vấn Đầu tư Việt Nam.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	6.299.517.113	5.605.632.347
Chi phí bảo hiểm sức khỏe	84.999.998	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	197.495.263	-
	6.582.012.374	5.605.632.347

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	7.674.439.100	14.071.362.374
Chi phí thuê thương hiệu (*)	35.000.000.000	47.000.000.000
Chi phí chương trình phần mềm	4.362.299.393	-
	47.036.738.493	61.071.362.374

(*) Chi phí sử dụng thương hiệu từ Hợp đồng Li-xăng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa số 011222/CQSDNH/TT-HG ngày 01/12/2022 giữa Công ty và Công ty TNHH Top Tile có thời hạn 5 năm tính từ thời điểm tháng 12/2022 và thanh toán trước toàn bộ giá trị hợp đồng với số tiền là 60 tỷ VND.

14 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Giá trị lợi thế thương mại của Công ty phát sinh khi mua Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone là 9.247.546.839 VND được phân bổ với thời gian 10 năm. Tại ngày 31/12/2024, giá trị lợi thế thương mại chưa phân bổ là 6.935.660.130 VND, giá trị lợi thế thương mại phân bổ trong năm là 924.754.684 VND.

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
<i>Bên liên quan</i>	5.766.195.325	5.766.195.325	42.045.555.394	42.045.555.394
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	2.332.101.636	2.332.101.636	1.339.956.036	1.339.956.036
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	3.434.093.689	3.434.093.689	40.705.599.358	40.705.599.358
<i>Bên khác</i>	272.849.469.280	272.849.469.280	164.870.256.763	164.870.256.763
Công ty Cổ phần Frit Huế	11.235.721.330	11.235.721.330	7.713.606.810	7.713.606.810
CN Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu Khí VN - XN PP Khí Thấp Áp Công ty TNHH TM SX Vinh Chí Thành	3.701.565.394	3.701.565.394	4.675.247.453	4.675.247.453
Công ty TNHH TM SX Vinh Chí Thành	-	-	322.010.644	322.010.644
Công ty Cổ phần Công nghệ Forwell International (HK) Co., LTD	7.943.838.176	7.943.838.176	10.367.013.338	10.367.013.338
Phải trả các đối tượng khác	58.916.696.697	58.916.696.697	-	-
	191.051.647.683	191.051.647.683	141.792.378.518	141.792.378.518
	278.615.664.605	278.615.664.605	206.915.812.157	206.915.812.157

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
b) Dài hạn				
Bên khác				
Forwell International (HK) Co., LTD	48.552.878.934	48.552.878.934	-	-
	<u>48.552.878.934</u>	<u>48.552.878.934</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên liên quan	-	7.720.727.204
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	-	7.720.727.204
Bên khác	68.040.488.517	57.729.389.635
Công ty TNHH VINAMEN	5.232.580.340	19.034.409.871
FONG STEEL IMPORT EXPORT CO.,LTD	-	1.919.877.641
Công ty TNHH MTV Dũng Đài Loan	-	2.036.678.138
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hùng Ngọc	14.620.634.450	6.270.243.707
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ và Đầu Tư Hòa Phát Đạt	-	671.078.320
Công Ty TNHH Hoàng Phiên	-	4.875.750.694
Công Ty TNHH Gạch Men Minh Long	6.263.766.598	-
Các đối tượng khác	41.923.507.129	22.921.351.264
	<u>68.040.488.517</u>	<u>65.450.116.839</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	145.194.358.618	145.194.358.618	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	310.518.868	310.518.868	-	-	310.518.868	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	21.370.585.921	17.079.838.488	17.079.838.488	-	-	22.991.558.787	-	-	-	15.458.865.622	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	200.228.996	5.057.044.841	5.057.044.841	-	-	2.537.821.921	-	-	-	2.719.451.916	-
Các loại thuế khác	-	411.128.034	3.099.600.414	3.099.600.414	-	-	566.513.832	-	-	-	2.944.214.616	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1.239.811.712	1.239.811.712	-	-	1.239.811.712	-	-	-	-	-
	-	21.981.942.951	171.981.172.941	171.981.172.941	-	-	172.840.583.738	-	-	-	21.122.532.154	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	973.730.310	766.056.062
- Trích trước chi phí tiền điện	1.645.451.218	1.154.483.575
- Trích trước chi phí nhiên liệu khí thấp áp	9.886.422.942	8.029.596.096
- Trích trước chi phí chưa có hóa đơn chứng từ	714.240.120	1.405.249.976
- Trích trước chi phí xuất nhập khẩu	1.230.378.947	294.735.644
	14.450.223.537	11.650.121.353

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a.1) Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	5.316.761.822	5.627.400.302
- Bảo hiểm xã hội	2.788.258.228	624.243.311
- Bảo hiểm y tế	187.822.800	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	83.252.800	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	205.500.000	-
- Khoản mượn tiền	-	5.216.000.000
- Khoản mở LC Upas tại Ngân hàng TMCP Quân đội	49.999.944.261	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.648.584.164	1.120.510.377
	61.230.124.075	12.588.153.990
a.2) Chi tiết theo đối tượng		
- Cán bộ Công nhân viên	2.573.206.322	782.639.100
- Công ty TNHH Top Tile	-	2.216.000.000
- Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	-	3.000.000.000
- Công đoàn cấp cơ sở	5.316.761.822	5.627.400.302
- Cơ quan bảo hiểm	3.059.333.828	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội	49.999.944.261	-
- Các đối tượng khác	280.877.842	962.114.588
	61.230.124.075	12.588.153.990
b) Dài hạn		
b.1) Chi tiết theo nội dung		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	150.000.000	1.000.000.000
	150.000.000	1.000.000.000
b.2) Chi tiết theo đối tượng		
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Minh Nhật	-	1.000.000.000
- Công ty TNHH Quảng Lộc Phát	150.000.000	-
	150.000.000	1.000.000.000
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	-	3.000.000.000
	-	3.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị		Tăng		Giảm	
	VND	Số có khả năng trả nợ	VND	Tăng	VND	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn Ngân hàng	574.459.278.189	574.459.278.189	1.194.162.296.687	934.786.134.074	833.835.440.802	833.835.440.802
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa (1)	154.218.197.556	154.218.197.556	178.484.572.973	178.421.698.824	154.281.071.705	154.281.071.705
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Nai (2)	95.625.598.384	95.625.598.384	179.669.441.130	166.592.374.246	108.702.665.268	108.702.665.268
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất (3)	143.742.126.440	143.742.126.440	226.300.137.840	225.429.357.507	144.612.906.773	144.612.906.773
- Ngân hàng TMCP Thịnh Vương Và Phát Triển - Chi nhánh Vũng Tàu (4)	79.505.262.809	79.505.262.809	230.593.005.398	189.721.639.785	120.376.628.422	120.376.628.422
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (5)	59.968.169.475	59.968.169.475	133.240.484.727	133.221.140.187	59.987.514.015	59.987.514.015
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Gia Định (6)	41.399.923.525	41.399.923.525	59.877.556.533	41.399.923.525	59.877.556.533	59.877.556.533
- Ngân Hàng TMCP An Bình Chi nhánh Sài Gòn (7)	-	-	99.997.098.086	-	99.997.098.086	99.997.098.086
- Ngân hàng Woori - Chi nhánh Bắc Ninh (8)	-	-	80.000.000.000	-	80.000.000.000	80.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội (9)	-	-	6.000.000.000	-	6.000.000.000	6.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	01/01/2024		31/12/2024	
	Trong năm		Tăng	Giảm
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
	VND	VND	VND	VND
20 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp)				
Nợ dài hạn đến hạn trả	6.198.705.050	6.198.705.050	33.842.150.975	30.384.053.163
- Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank - SBL) (10)	6.198.705.050	6.198.705.050	5.069.966.000	5.069.966.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa (11)	-	-	18.128.525.305	18.128.525.305
- Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease (12)	-	-	8.547.376.624	5.250.531.354
- Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV Sumi Trust (13)	-	-	2.096.283.046	1.935.030.504
b) Vay dài hạn	580.657.983.239	580.657.983.239	1.228.004.447.662	864.219.493.965
- Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL) (10)	19.301.304.478	19.301.304.478	-	12.461.011.428
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa (11)	10.349.884.742	10.349.884.742	310.118.759.319	320.468.644.061
- Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease (12)	-	-	14.652.645.640	11.355.800.370
- Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV Sumi Trust (13)	-	-	9.513.900.000	9.352.647.458
	29.651.189.220	29.651.189.220	334.285.304.959	353.638.103.317
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(6.198.705.050)	(6.198.705.050)	(33.842.150.975)	(30.384.053.163)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	23.452.484.170	23.452.484.170	368.127.274.934	323.254.050.154

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

c) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức (VND)	Số dư 31/12/2024 (Nguyên tệ)	Số dư quy đổi VND 31/12/2024 (VND)	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản bảo đảm
(1) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa								
01/2024- HĐCVHM/NHCT682 - HOANGGIA	21/11/2024	150.000.000.000	154.281.071.705 VND	154.281.071.705	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch men	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(2) Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Nai								
202025393705	29/02/2024	110.000.000.000	60.961.950.420 VND và 1.868.448 USD	108.702.665.268	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp là hàng hóa thành phẩm với tổng giá trị 71 tỷ VND
(3) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất								
01/2024/7856791/HĐT D	12/07/2024	150.000.000.000	144.612.906.773 VND	144.612.906.773	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(4) Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng Và Phát Triển - Chi nhánh Vũng Tàu								
510.368/24/DN	08/10/2024	155.000.000.000	111.635.893.220 VND và 342.089,75 USD	120.376.628.422	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(5) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đồng Nai								
2024079/HDTD/QLN	30/09/2024	60.000.000.000	59.987.514.015 VND	59.987.514.015	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(6) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Gia Định								
240496.24.220.828327 .TD	30/08/2024	70.000.000.000	59.877.556.533 VND	59.877.556.533	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch men	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhom Trạch II - Nhom Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhom Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức (VND)	Số dư 31/12/2024 (Nguyên tệ)	Số dư quy đổi VND 31/12/2024 (VND)	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản bảo đảm
(7) Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Sài Gòn								
2747/24/TD/SME/029	21/09/2024	100.000.000.000	99.997.098.086 VND	99.997.098.086	Tài trợ bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch men các loại	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(8) Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh								
VN12401531	13/11/2024	80.000.000.000	80.000.000.000 VND	80.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch men	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(9) Ngân hàng TMCP Quân Đội								
210711.24.220.329296 18.TD	16/05/2024	100.000.000.000	6.000.000.000 VND	6.000.000.000	Phục vụ hoạt động kinh doanh sản xuất Gạch Porcelain	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.

d) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn:

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức (VND)	Số dư 31/12/2024 (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả (VND)	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản bảo đảm
(10) Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL)								
SBL010202011014	09/11/2020	3.588.315.500	448.539.700	448.539.700	Đầu tư 01 máy in phun model K8-700/6+2 mới 100%	48 tháng	9,45%/năm	01 máy in phun model K8-700/6+2 mới 100%
SBL010202103026	25/03/2021	2.472.714.300	309.089.900	309.089.900	Đầu tư 01 Máy mạ chân không, model HC-DHL-2800-TG30, hãng SX Zhaoqing City Huichang Vacuum Equipment Co., Ltd)	48 tháng	9,75%/năm	01 Máy mạ chân không, model HC-DHL-2800-TG30, hãng SX Zhaoqing City Huichang Vacuum Equipment Co., Ltd)
SBL010202210047	28/10/2022	584.800.000	292.400.000	146.200.000	Đầu tư xe ô tô tải (pickup cabin kép) nhãn hiệu FORD, số loại RANGER TRABCH2P0C3CXKL1, biển số 60C-637.38	48 tháng	8,5%/năm	01 xe ô tô tải (pickup cabin kép) nhãn hiệu FORD, số loại RANGER TRABCH2P0C3CXKL1, biển số 60C-637.38

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức (VND)	Số dư 31/12/2024 (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả (VND)	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản bảo đảm
SBL010202208067	31/08/2022	6.821.071.780	4.049.089.300	1.349.696.400	Đầu tư 01 bộ máy ép thủy lực, nhãn hiệu HLT, model YP 3609, hãng SX HLT INDUSTRY CO., LTD	48 tháng	9%/năm	01 bộ máy ép thủy lực, nhãn hiệu HLT, model YP 3609, hãng SX HLT INDUSTRY CO., LTD
SBL01020230310	10/03/2023	4.549.159.200	1.279.129.200	511.652.000	Đầu tư 03 máy đóng gói, 02 máy buộc đai nhãn hiệu KEDA của Xincheng International Co.,Ltd	52 tháng	10,5%/năm	03 máy đóng gói, 02 máy buộc đai nhãn hiệu KEDA, hãng sản xuất Xincheng International Co.,Ltd
SBL010202307039	01/08/2023	2.361.051.828	1.317.990.928	439.330.400	Đầu tư hệ thống bù gạch nhãn hiệu Rong Zhi Cheng Co., Ltd, model ZNCP288 mới 100%, xuất xứ TQ, sản xuất 2023	48 tháng	10,5%/năm	Hệ thống bù gạch nhãn hiệu Rong Zhi Cheng Co., Ltd, model ZNCP288 mới 100%, xuất xứ TQ, sản xuất 2023
SBL010202311033	21/11/2023	1.078.707.101	606.772.400	202.257.600	Đầu tư máy làm mát gạch sử dụng trong dây chuyền SX gạch men, nhãn hiệu SMAC, model KRYO 2.0 S.90, số serial 1012BN, mới 100%, SX năm 2023, xuất xứ Italy	48 tháng	9,7%/năm	Máy làm mát gạch sử dụng trong dây chuyền SX gạch men, nhãn hiệu SMAC, model KRYO 2.0 S.90, số serial 1012BN, mới 100%, SX năm 2023, xuất xứ Italy
SBL010202301025	31/01/2023	8.962.800.000	4.158.000.000	1.663.200.000	Đầu tư 01 máy phun kỹ thuật số, 01 máy phủ men khô, hãng sản xuất Foshan Sanshui Yingjie Precision Machinery Co., LTD	48 tháng	10,5%/năm	01 máy phun kỹ thuật số model K8-700(560)6+2. 01 máy phủ men khô model GL-P1200/L3.4WP
(11) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa			320.468.644.061	18.128.525.305				
08/2023- HĐCVDADT/NHCT6 82-HGK	06/09/2023	400.000.000.000	320.468.644.061	18.128.525.305	Dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Nhà máy sản xuất tấm Porcelain khổ lớn 4.0	12 năm	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Số hợp đồng	Ngày HD	Hạn mức (VND)	Số dư 31/12/2024 (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả (VND)	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản bảo đảm
(12) Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease C240200102	14/03/2024	14.652.645.640	11.355.800.370	5.250.531.354	Máy móc thiết bị xường GTT2 - Hoàng Gia	60 tháng	8,73%/năm	Máy móc thiết bị xường GTT2 - Hoàng Gia
(13) CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH TNHH BIDV-SUMI TRUST- CN TP HCM	25/09/2024	9.513.900.000	9.352.647.458	1.935.030.504	Xe ô tô Lexus, Biển số 51L-222.44	60 tháng	8,10%/năm	Xe ô tô Lexus, Biển số 51L-222.44

Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND	%	VND	%	VND	%	VND	%	VND	%	
Số dư đầu năm trước	360.000.000.000		-		-		116.892.000.034		12.063.555.528		488.955.555.562
Tăng vốn trong năm trước	90.000.000.000		40.010.480.000		-		-		8.641.508.000		138.651.988.000
Lãi trong năm trước	-		-		-		101.455.257.777		820.924.651		102.276.182.428
Số dư cuối năm trước	450.000.000.000		40.010.480.000		-		218.347.257.811		21.525.988.179		729.883.725.990
Số dư đầu năm nay	450.000.000.000		40.010.480.000		-		218.347.257.811		21.525.988.179		729.883.725.990
Tăng vốn trong năm nay (*)	-		-		-		-		15.384.772.000		15.384.772.000
Lãi trong năm nay	-		-		-		67.503.109.847		29.014.313		67.532.124.160
Phân phối lợi nhuận	-		-		-		(122.435.848.816)		-		(65.082.457.884)
Số dư cuối năm nay	450.000.000.000		40.010.480.000		57.353.390.932		163.414.518.842		36.939.774.492		747.718.164.266

(*) Trong năm 2024 Công ty con Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Sintered Stone đã thực hiện tăng vốn từ 120 tỷ VND lên 230 tỷ VND qua hình thức phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Mục đích tăng vốn nhằm đầu tư dự án nhà máy gạch Porcelain 4.0. Đến thời điểm 31/12/2024 việc tăng vốn đã hoàn thành các cổ đông đã góp đủ vốn theo đúng tỷ lệ trong đó phần góp thêm vốn của các cổ đông không kiểm soát là 15.384.772.000 VND.

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ_DHDGD ngày 07/04/2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận đến thời điểm 31/12/2023 như sau:

	Số tiền	
	VND	%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	191.177.969.774	100,00
Trích Quỹ đầu tư phát triển	57.353.390.932	30,00
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.538.898.489	5,00
Trích Quỹ thương mại điều hành	3.823.559.395	2,00
Chi bổ sung thù lao hội đồng quản trị, ủy ban kiểm toán	6.700.000.000	3,50
Chi trả cổ tức (bằng 10% vốn điều lệ)	45.000.000.000	23,54
Lợi nhuận chưa phân phối	68.742.120.958	35,96

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Đinh Việt Anh	20,80	93.600.000.000	20,80	93.600.000.000
Bà Lê Thị Vi Na	19,72	88.740.000.000	19,72	88.740.000.000
Bà Nguyễn Thị Lê	15,08	67.860.000.000	15,08	67.860.000.000
Ông Huỳnh Quang Báu	3,60	16.200.000.000	3,60	16.200.000.000
Ông Trương Văn Việt	0,87	3.930.000.000	0,87	3.930.000.000
Các cổ đông khác	39,93	179.670.000.000	39,93	179.670.000.000
	100,00	450.000.000.000	100,00	450.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	450.000.000.000	450.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	450.000.000.000	360.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	90.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	450.000.000.000	450.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	45.000.000.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	45.000.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(44.794.500.000)	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(44.794.500.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>205.500.000</u>	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	45.000.000	45.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	45.000.000	45.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.000.000	45.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	57.353.390.932	-
	57.353.390.932	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê 90.171 m² đất để xây dựng nhà xưởng tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch II - Nhơn Phú - Đồng Nai. Vào ngày 31/12/2024, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	3.641.400.000	5.469.400.548
- Trên 1 năm đến 5 năm	14.565.600.000	23.705.602.740
- Trên 5 năm	100.441.950.000	156.486.049.726
	118.648.950.000	185.661.053.014

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
- Đồng đô la Mỹ (USD)	25.774,51	29.967,00

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	869.117.125.937	925.657.565.158
Doanh thu bán hàng hóa	384.709.594.881	244.223.541.594
Doanh thu bán nguyên vật liệu	432.008.307.248	217.162.424.333
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.233.270.792	8.558.575.498
	1.692.068.298.858	1.395.602.106.583
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39)	233.238.665.751	251.230.962.504

24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	231	41.495.344
	231	41.495.344

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	647.873.186.615	661.426.135.013
Giá vốn của hàng hóa đã bán	350.683.065.463	218.390.324.284
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	419.154.210.152	212.383.241.319
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.218.465.322	11.946.149.048
	1.425.928.927.552	1.104.145.849.664

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39)

Tổng giá trị mua vào:	-	367.415.562.424
-----------------------	---	------------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.942.754.831	2.104.855.559
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.816.082.064	5.084.503.519
	8.758.836.895	7.189.359.078

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	56.620.018.291	46.381.960.935
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.021.089.714	5.029.115.185
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	2.350.071.344	641.056.935
	61.991.179.349	52.052.133.055

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.986.510.710	3.253.011.163
Chi phí nhân công	14.023.610.124	22.005.693.097
Chi phí khấu hao tài sản cố định	621.530.429	164.689.318
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.366.896.326	54.253.904.837
Chi phí khác bằng tiền	191.606.465	2.993.753
	76.190.154.054	79.680.292.168

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	682.185.509
Chi phí nhân công	26.432.003.097	30.315.407.819
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.317.836.977	3.288.983.430
Thuế, phí, lệ phí	7.000.000	165.132.257
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.584.538.716	28.536.493.791
Phân bổ lợi thế thương mại	924.754.684	924.754.684
Chi phí khác bằng tiền	632.609.206	217.859.211
	65.898.742.680	64.130.816.701

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**30 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.231.265.860	-
Tiền phạt thu được	17.030.500	-
Bán phế liệu	42.429.230	-
Thu nhập khác	73.748.295	59.868.072
	1.364.473.885	59.868.072

31 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt	1.274.158.407	184.702.873
Thanh lý phế liệu	712.015.928	-
Xuất hàng khuyến mại chưa đăng ký với sở Công thương	2.710.958.408	-
Chi phí khác	198.829.806	821.604.430
	4.895.962.549	1.006.307.303

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	15.348.552.796	19.584.785.163
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Royal Sintered Stone	110.312.826	1.855.360.656
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	15.458.865.622	21.440.145.819
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	1.620.972.866	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	21.370.585.921	13.474.610.655
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(22.991.558.787)	(13.544.170.553)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	15.458.865.622	21.370.585.921

33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	370.021.161	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	370.021.161	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	13.252.524.817	13.675.008.889
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	<u>13.252.524.817</u>	<u>13.675.008.889</u>

c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(370.021.161)	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(422.484.072)	(422.484.072)
	<u>(792.505.233)</u>	<u>(422.484.072)</u>

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	67.503.109.847	101.455.257.777
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	67.503.109.847	101.455.257.777
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	45.000.000	37.854.396
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.500</u>	<u>2.680</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	470.545.034.765	464.525.863.747
Chi phí nhân công	131.021.060.704	141.892.598.612
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.797.703.957	37.392.662.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	168.936.743.995	149.061.744.424
Chi phí khác bằng tiền	831.215.671	385.985.221
	<u>808.131.759.092</u>	<u>793.258.854.409</u>

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền	38.270.348.068	-	-	38.270.348.068
Phải thu khách hàng, phải thu khác	518.229.489.706	6.246.856.657	-	524.476.346.363
Các khoản cho	158.435.580.071	3.000.000.000	-	161.435.580.071
	714.935.417.845	9.246.856.657	-	724.182.274.502
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền	9.869.633.996	-	-	9.869.633.996
Phải thu khách hàng, phải thu khác	545.605.818.556	2.611.386.300	-	548.217.204.856
Các khoản cho vay	22.500.000.000	3.500.000.000	-	26.000.000.000
	577.975.452.552	6.111.386.300	-	584.086.838.852

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	864.219.493.965	323.254.050.154	-	1.187.473.544.119
Phải trả người bán, phải trả khác	339.845.788.680	48.702.878.934	-	388.548.667.614
Chi phí phải trả	14.450.223.537	-	-	14.450.223.537
	1.218.515.506.182	371.956.929.088	-	1.590.472.435.270
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	580.657.983.239	23.452.484.170	-	604.110.467.409
Phải trả người bán, phải trả khác	219.503.966.147	1.000.000.000	-	220.503.966.147
Chi phí phải trả	11.650.121.353	-	-	11.650.121.353
	811.812.070.739	24.452.484.170	-	836.264.554.909

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

38 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Sản phẩm Gạch Ceramic	Sản phẩm Gạch Porcelain VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	670.654.961.645	487.156.021.069	534.257.315.913	1.692.068.298.627
Chi phí bộ phận trực tiếp	547.448.432.260	356.018.332.589	522.462.162.703	1.425.928.927.552
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	123.206.529.385	131.137.688.480	11.795.153.210	266.139.371.075

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Sản phẩm Gạch Ceramic	Sản phẩm Gạch Porcelain	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
Tổng chi phí mua TSCĐ				352.503.219.159
Tài sản bộ phận trực tiếp	861.096.573.731	626.565.725.736	687.146.023.855	2.174.808.323.322
Tài sản không phân bổ				296.403.459.070
Tổng tài sản	861.096.573.731	626.565.725.736	687.146.023.855	2.471.211.782.392
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	683.044.027.961	496.139.269.810	544.310.320.355	1.723.493.618.126
Tổng nợ phải trả	683.044.027.961	496.139.269.810	544.310.320.355	1.723.493.618.126
Theo khu vực địa lý				Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
		Trong nước VND	Xuất khẩu VND	
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.453.303.568.744	238.764.729.883	1.692.068.298.627
Tài sản bộ phận				2.471.211.782.392
Tổng chi phí mua TSCĐ				352.503.219.159

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Royal American Wholesale	Bà Huỳnh Thị Đông Thi cổ đông lớn của Royal American Wholesale và là vợ của Ông Đinh Việt Anh
Công ty Cổ phần Vinagres	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Vinagres là em vợ của ông Đinh Việt Anh
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	Bà Lê Thị Vi Na là Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh là cổ đông lớn của Công ty.
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	Bà Huỳnh Thị Đông Thi là Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê, là vợ của ông Đinh Việt Anh.
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh	Bà Lê Thị Vi Na là Thành viên HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh là cổ đông lớn của Công ty đến tháng 03/2024.
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây là em vợ của ông Đinh Việt Anh
Ông Đinh Việt Anh	Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban Kiểm toán
Bà Huỳnh Thị Đông Thi	Vợ ông Đinh Việt Anh - Chủ tịch HĐQT.
Ông Trịnh Xuân Hùng	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
Ông Huỳnh Sơn Tùng	Em trai bà Huỳnh Thị Đông Thi - vợ của ông Đinh Việt Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng
Ông Phạm Hữu Phú	Thành viên HĐQT, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu	233.238.665.751	251.230.962.504
Công ty Cổ phần Sản xuất và đầu tư Royal House	8.793.033.153	3.925.538.691
Công ty Cổ phần Vinagres	115.945.448.928	130.906.528.552
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	39.846.154.164	31.881.318.987
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	36.245.127.418	25.105.626.311
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh	-	11.441.595.281
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	32.408.902.088	47.970.354.682
Mua hàng	31.566.852.384	367.415.562.424
Công ty Cổ phần Sản xuất và đầu tư Royal House	203.320.000	375.348.091
Công ty Cổ phần Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia Xanh	-	72.733.459.982
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	9.946.200.984	79.963.140.122
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	21.417.331.400	14.852.406.825

Thu nhập của người quản lý chủ chốt

	<u>Mối quan hệ</u>	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Ông Đinh Việt Anh	Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên Ủy Ban Kiểm Toán	907.774.280	934.511.870
Ông Trương Văn Việt	Tổng Giám đốc bổ nhiệm ngày 02/07/2024	737.299.610	756.065.837
Ông Trịnh Xuân Hùng	Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 02/07/2024, thành viên	402.713.050	813.202.780
Ông Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc	705.073.140	792.983.677
Ông Nguyễn Anh Bính	Phó Tổng Giám đốc bổ nhiệm ngày 02/07/2024	396.403.150	-
Ông Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 02/07/2024	-	748.394.740
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng	625.677.500	598.245.430

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

40 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Vũ Thị Ngọc
Người lập



Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởng



Trương Văn Việt
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm 2025

